

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-5-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tổ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia**

Ông **Trịnh Ngọc Thành**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 425/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Minh Ng** - sinh năm 1995; Nơi cư trú: Số nhà 285, Tổ 3, Ấp 2, xã T, huyện P, tỉnh N.

- ***Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Chí C** - sinh năm 1990; Nơi cư trú: Số nhà 03, Tổ 2, Ấp 6, xã T, huyện P, tỉnh N.

(Chị Ng có mặt, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2017, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Minh Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh C tìm hiểu, yêu thương nhau từ năm 2010, đến năm 2011 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, khi bắt đầu sống chung thì chị Ng và anh C sinh sống tại huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Đến năm 2015 chị Ng và anh C tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2015 tại Ủy ban nhân xã T, huyện P, tỉnh N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Theo Chị Ng, đời sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hơn nữa anh C thường xuyên uống rượu, mỗi lần chị Ng góp ý thì anh C còn chửi và đánh đập chị (việc đánh đập không để lại thương tích gì đáng kể). Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh C không thay đổi tính tình nên chị đã bỏ nhà đi từ cuối năm 2015. Từ đó cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị Ng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Chí C.

Về con chung: Theo chị Ng, vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Chí Th - sinh ngày 25/01/2012; Nguyễn Ngọc Nh - sinh ngày 10/6/2015. Kể từ thời điểm vợ chồng không còn sống chung thì các con chung do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, để không xáo trộn đời sống của các con chung, khi ly hôn, chị Ng đồng ý giao hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo chị Ng, vợ chồng không có nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2018, bị đơn anh Nguyễn Chí C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C thừa nhận phần trình bày của chị Ng là đúng sự thật. Vợ chồng kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Đời sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có xảy ra cãi vã nhau, anh C thừa nhận, có lần do không kiềm chế được bản thân anh có đánh chị Ng nhưng không để lại thương tích gì, bản thân anh có sử dụng rượu, bia nhưng không phải thường xuyên. Đến cuối năm 2015, thì chị Ng tự ý bỏ nhà đi. Nay chị Ng yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý, vì anh vẫn còn tình cảm thương yêu với chị Ng, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Theo anh C, vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Chí Th - sinh ngày 25/01/2012; Nguyễn Ngọc Nh - sinh ngày 10/6/2015. Trường hợp ly hôn, anh C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th và cháu Nh do từ khi vợ chồng không sống chung với nhau, con chung do anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay anh đang làm thợ sơn nước, thu nhập trung bình từ 9.000.000đ/tháng, cùng với sự giúp đỡ của mẹ ruột, anh đủ khả năng nuôi dưỡng các con chung trưởng thành về mọi mặt. Vì vậy, tạm thời anh không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Theo anh C, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); đơn xác nhận hộ khẩu thường trú của chị Ng, anh C (bản chính); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy khai sinh của các con chung (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ sao gửi tài liệu, chứng cứ; đơn đề

ngợi Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để chứng minh cho ý kiến của mình, bị đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: Lời khai tại biên bản lấy lời khai; đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các tài liệu bị đơn giao nộp, Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho nguyên đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng; Biên bản xác minh về nơi cư trú của bị đơn tại Công an xã T. Các tài liệu, chứng cứ thu thập được Tòa án đã thông báo cho các đương sự biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại biên bản xác minh ngày 26/01/2018, đại diện ấp 6, xã T, huyện P cung cấp như sau: Chị Ng, anh C là vợ chồng có hộ khẩu thường trú tại địa phương, trong thời gian sống chung thì vợ chồng chị Ng, anh C có xảy ra cãi vã, anh C nhiều lần đánh đập chị Ng (việc đánh đập này không để lại thương tích gì), chị Ng có báo với chính quyền địa phương việc này, sau đó Ban công an xã có mời anh C lên làm việc, hòa giải cho hai vợ chồng về đoàn tụ. Bản thân anh C sống tại địa phương không thật sự tuân thủ, chấp hành các quy định của luật, hay gây gổ đánh nhau nhưng các hành vi này chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Thời gian gần đây, vợ chồng anh C đã không còn sống chung với nhau, anh C đi làm nghề thợ sơn nước nên thường xuyên không có mặt ở nhà, các con chung của anh C, chị Ng đang do mẹ ruột của anh C trực tiếp chăm sóc.

Tại biên bản xác minh ngày 26/01/2016 đối với bà Huỳnh Thị Thanh T là mẹ ruột của anh C cung cấp như sau: Chị Ng, anh C sống chung với nhau từ khoảng giữa năm 2011, thời gian đầu vợ chồng sống chung với gia đình bà và làm rẫy tại huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được khoảng 01 (một) năm thì chị Ng, anh C về xã Trà Cổ sinh sống, thời gian sống chung vợ chồng chị Ng có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, anh C có sử dụng rượu, bia nhưng không thường xuyên, và vẫn quan tâm, chăm sóc gia đình. Cuối năm 2015 thì chị Ng bỏ nhà đi để lại hai con nhỏ cho anh C, do anh C đi làm xa nhà nên hiện nay các con chung của chị Ng, anh C do bà trực tiếp chăm sóc. Theo bà T việc chị Ng yêu cầu ly hôn là quyền của chị Ng nên bà không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ng ly hôn với anh C; về con chung: Đề nghị giao hai con chung Nguyễn Chí Th - sinh ngày 25/01/2012; Nguyễn Ngọc Nh - sinh ngày 10/6/2015 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Ng do anh C không yêu cầu; về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Minh Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với Nguyễn Chí C, tranh chấp về nuôi con hai con chung là Nguyễn Chí Th - sinh ngày 25/01/2012; Nguyễn Ngọc Nh - sinh ngày 10/6/2015. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Chí C có nơi cư trú tại xã T, huyện P, tỉnh N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Chí C vắng mặt nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử có đơn nghị xét xử vắng mặt (Bút lục số 70), căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh C tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011, do thời điểm này chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Vì vậy, đến năm 2015 chị Ng và anh C mới tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh N vào ngày 06/3/2015, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, vào sổ cấp giấy số 10/2015 (Bút lục số 04), do đó đây là hôn nhân hợp pháp, có hiệu lực từ ngày đăng ký kết hôn, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị Ng, anh C đầm ấm, hạnh phúc được 01 (một) năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh C thường xuyên sử dụng rượu, bia, không quan tâm đến gia đình, mỗi lần chị Ng góp ý thì anh C lại đánh đập chị. Cuối năm 2015, do mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên chị Ng đã bỏ nhà đi nơi khác làm ăn cho đến nay, cũng từ thời gian này chị Ng và anh C không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn liên lạc, không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng do Tòa án thu thập (Bút lục số 40, 41). Do đó, có đủ cơ sở xác định, trong quá trình sống chung chị Ng, anh C đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị Ng đối với anh C là có cơ sở.

Anh C thừa nhận, mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị Ng trình bày, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn với lý do là anh vẫn còn tình cảm với chị Ng, từ ngày chị Ng bỏ nhà đi anh vẫn cố gắng liên lạc với chị Ng nhưng không được. Hơn nữa, hai con chung còn quá nhỏ, vì vậy anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn

tụ, cùng nhau nuôi dưỡng các con chung trưởng thành. Như đã nhận định ở trên, thực tế đời sống chung của vợ chồng Chị Ng, anh C đã chấm dứt từ năm 2015, vợ chồng đã không còn tình cảm yêu thương, quan tâm đến nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải, phân tích, giải thích, kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc, đầm ấm nhưng chị Ng vẫn cương quyết giữ yêu cầu ly hôn, mặt khác bản thân anh C cũng không có biện pháp gì để hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Vì vậy, đề nghị được đoàn tụ gia đình của anh C là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ng và anh C thừa nhận vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Chí Th - sinh ngày 25/01/2012; Nguyễn Ngọc Nh - sinh ngày 10/6/2015. Khi ly hôn, chị Ng đồng ý giao hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; trường hợp phải ly hôn, anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, tạm thời không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu và ý kiến của các đương sự về việc giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Bởi lẽ, con chung từ trước đến nay sống ổn định cùng anh C và gia đình anh C, để không xáo trộn đời sống của con trẻ, cần chấp nhận yêu cầu của anh C, tiếp tục giao hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Ng do anh C không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Ng là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị Ng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Minh Ng về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với anh Nguyễn Chí C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Minh Ng và anh Nguyễn Chí C.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung Nguyễn Chí Th - sinh ngày 25/01/2012, Nguyễn Ngọc Nh - sinh ngày 10/6/2015 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Ng do anh C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, quyền yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung....)

1.3. Về tài sản chung: Chị Ng, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị Ng, anh C khai không có, nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Minh Ng phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Ng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 07345 ngày 06/11/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Chị Ng đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Chị Ng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Trà Cổ (Giấy CNKH số 10, quyền số 01/2015 ngày 06/3/2015 để ghi vào sổ hộ tịch đăng ký);
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố